TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ RG** TỈNH KIÊN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 22/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 03/4/2019
V/v tranh chấp về ly hôn, nuôi con chung.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ RG
TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Đào Đức Luân

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Nguyễn Thị Kim Phượng

2. Bà Chung Kim Sang

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Thị Hồng Diễm – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố RG, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố RG, tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa: Bà Thị Thu Thủy – Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 4 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố RG xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 95/2018/TLST-HNGĐ, ngày 02 tháng 4 năm 2018 về việc "Tranh chấp về ly hôn, nuôi con chung" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 18/2019/QĐXXST-HNGĐ, ngày 11 tháng 3 năm 2019, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà **Lý Thị Th**, sinh năm 1980 (có mặt)

Địa chỉ: Số 1356, đường 30 Tháng 4, tổ 20, KP. 2, phường V.T, thành phố RG, tỉnh Kiên Giang.

Hiện cư ngụ tại: Số 285, ấp T.T, xã P.T, thành phố RG, tỉnh Kiên Giang.

2. Bị đơn: Ông **Nguyễn Văn C**, sinh năm 1978 (vắng mặt)

Địa chỉ: Số 1356, đường 30 Tháng 4, tổ 20, KP. 2, phường V.T, thành phố RG, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện đề ngày 28/02/2018 và lời khai trong suốt quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn – bà Lý Thị Th trình bày: Bà và ông Nguyễn Văn C tự quen nhau, tổ chức lễ cưới vào ngày 19/8/2004 âm lịch, sau

đó hai người đi đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường V.T, thành phố RG, tỉnh Kiên Giang và được cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 25/10/2006.

Vợ chồng bắt đầu mâu thuẫn từ giữa năm 2008 và sống ly thân từ ngày 19/10/2015 âm lịch cho đến nay.

Nguyên nhân mâu thuẫn: Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc nhưng từ năm 2015 thì hai người thường xảy ra mâu thuẫn, chủ yếu là do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm trong cách sống, ông Chiếu thường hay ăn nhậu, kiếm cớ chửi mắng, đánh đập vợ, con; chính quyền địa phương có biết và hòa giải động viên cho vợ chồng hàn gắn tình cảm, ông C cũng đã cam kết nhiều lần nhưng sau đó vẫn tiếp tục tái diễn những hành vi nêu trên dẫn đến tình cảm vợ chồng ngày càng rạn nứt. Trong thời gian mâu thuẫn, bà đã nhiều lần cố gắng hòa giải hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng không được mà mâu thuẫn ngày càng trở nên trầm trọng. Cảm thấy không thể sống chung với nhau được nữa nên bà yêu cầu được ly hôn với ông C.

- Về con chung: Có 01 người con chung tên Nguyễn Minh H, sinh ngày 27/5/2005. Bà Th yêu cầu trực tiếp nuôi dưỡng người con chung tên Nguyễn Minh H đến đủ tuổi trưởng thành, không yêu cầu ông C cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

Bà Th cam kết ly hôn không nhằm mục đích trốn tránh nghĩa vụ về tài sản và nợ đối với người khác.

- Tại biên bản lấy lời khai lập ngày 15/02/2019, bị đơn – ông Nguyễn Văn C trình bày: Ông và bà Lý Thị Th tự quen biết, tìm hiểu nhau và tự nguyện tiến tới hôn nhân, có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường V.T, thành phố RG, tỉnh Kiên Giang theo đúng quy định pháp luật nhưng ông không nhớ rõ thời gian cấp giấy chứng nhận kết hôn. Trong quá trình chung sống từ năm 2005 đến nay, vợ chồng có 01 người con chung tên Nguyễn Minh H, sinh ngày 27/5/2005. Ông và bà Th bắt đầu phát sinh mâu thuẫn từ năm 2015 và sống ly thân từ đó cho đến nay, nguyên nhân chủ yếu là do bất đồng quan điểm trong cách sống liên quan đến vấn đề kinh tế gia đình, ông cũng thừa nhận bản thân mình thường xuyên ăn nhậu, ít quan tâm đến vợ, con và gia đình. Vợ, chồng ông đã được Ban lãnh đạo khu phố 2, phường V.T hòa giải nhiều lần nhưng tình cảm không hàn gắn được, bà Th đã bỏ nhà đi về bên nhà mẹ bà Th sinh sống cách đây khoảng 04 năm. Nay ông có ý kiến như sau:

Về hôn nhân: Không đồng ý ly hôn với bà Th.

Về con chung: Đồng ý giao người con chung tên Nguyễn Minh H cho bà Th nuôi dưỡng đúng theo yêu cầu của bà Th và ý kiến của con chung, ông không cấp

dưỡng nuôi con chung, nếu ông có điều kiện thì ông sẽ cho riêng con, không yêu cầu Tòa án ghi nhận trong vụ án này.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Tại biên bản ghi nhận ý kiến lập ngày 05/6/2018, người con chung tên Nguyễn Minh H trình bày: Muốn được mẹ là bà Lý Thị Th tiếp tục nuôi dưỡng, ngoài ra không có yêu cầu gì khác.

- Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố RG phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật: Từ khi thụ lý vụ án cho đến thời điểm mở phiên tòa hôm nay, Thẩm phán, Hội đồng xét xử cũng như Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng và đầy đủ trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự, tuy nhiên còn vi phạm về thời hạn chuẩn bị xét xử. Nguyên đơn đã chấp hành tốt, thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự, tuy nhiên bị đơn không thực hiện đúng nghĩa vụ của mình, mặc dù đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các thủ tục tố tụng nhưng vẫn cố tình vắng mặt.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 để xem xét, chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về thủ tục tố tụng:

[1] Nguyên đơn – bà Lý Thị Th yêu cầu ly hôn, nuôi con chung đối với bị đơn – ông Nguyễn Văn Ch nên quan hệ pháp luật tranh chấp giữa các bên là "Tranh chấp về ly hôn, nuôi con chung" theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Các đương sự tranh chấp về quan hệ hôn nhân, bị đơn có nơi cư trú tại thành phố RG, tỉnh Kiên Giang. Do đó, căn cứ theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, vụ án trên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố RG, tỉnh Kiên Giang.

[3] Bị đơn – ông Nguyễn Văn C đã được Tòa án triệu tập hợp lệ theo đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn – bà Lý Thị Th yêu cầu xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định pháp luật. Do đó,

Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 quyết định xét xử vắng mặt bị đơn – ông Nguyễn Văn C.

Về nội dung vụ án:

[1] Xét yêu cầu ly hôn: Bà Th và ông Ch tự quen nhau, sau đó quyết định tiến tới hôn nhân, hai người đi đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường V.T, thành phố RG, tỉnh Kiên Giang và được cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 25/10/2006; như vậy, việc kết hôn của bà Th và ông C đã thực hiện đúng theo quy định tại Điều 11 và Điều 14 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000 nên quan hệ hôn nhân giữa hai người là hợp pháp. Qua lời khai trong suốt quá trình giải quyết vụ án, bà Th và ông C đều thừa nhận trong quá trình chung sống, vợ chồng đã xảy ra mâu thuẫn; bà Th cho rằng nguyên nhân chủ yếu là do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm trong cách sống, ông C thường hay ăn nhậu, kiếm cớ chửi mắng, đánh đập vợ, con, chính quyền địa phương có biết và hòa giải động viên cho vợ chồng hàn gắn tình cảm, ông C cũng đã cam kết nhiều lần nhưng sau đó vẫn tiếp tục tái diễn những hành vi nêu trên dẫn đến tình cảm vợ chồng ngày càng rạn nứt; ông C cho rằng nguyên nhân chủ yếu là do bất đồng quan điểm trong cách sống liên quan đến vấn đề kinh tế gia đình, ông cũng thừa nhận bản thân mình thường xuyên ăn nhậu, ít quan tâm đến vợ, con và gia đình, sự việc mâu thuẫn nêu trên đã được Ban lãnh đạo khu phố 2, phường V.T hòa giải nhiều lần nhưng tình cảm không hàn gắn được, bà Th đã bỏ nhà đi về bên nhà mẹ bà Th sinh sống cách đây khoảng 04 năm.

Hiện nay, bà Th xác định không còn tình cảm với ông C do mâu thuẫn ngày càng trở nên trầm trọng nên bà yêu cầu ly hôn với ông C, tuy nhiên ông C không đồng ý ly hôn theo yêu cầu của bà Th mặc dù ông thừa nhận mâu thuẫn kéo dài, vợ chồng đã sống ly thân khoảng 04 năm nay. Xét thấy, mối quan hệ hôn nhân giữa bà Th và ông C đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được; do đó, Hội đồng xét xử thống nhất áp dụng quy định tại Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Thảo.

[2] Về con chung: Bà Th và ông C thống nhất thỏa thuận giao người con chung tên Nguyễn Minh H, sinh ngày 27/5/2005 cho bà Th nuôi dưỡng đến khi thành niên, bà Th không yêu cầu ông C cấp dưỡng nuôi con chung. Xét sự thỏa thuận này phù hợp với nguyện vọng của con chung và quy định tại Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, do đó Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về tài sản chung, nợ chung: Bà Th và ông C xác định không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết, do đó Hội đồng xét xử không xem xét.

Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện ly hôn và nuôi con chung của nguyên đơn – bà Lý Thị Th.

[4] Về án phí sơ thẩm: Nguyên đơn – bà Lý Thị Th phải chịu nghĩa vụ nộp số tiền án phí 300.000 đồng. Khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm 300.000 đồng mà bà Th đã nộp theo biên lai thu tiền số 0003927, ngày 19/3/2018 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố RG nên bà Th không phải nộp thêm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, khoản 3 Điều 228, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Áp dụng các Điều 56, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân gia đình năm 2014;

- Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn – bà Lý Thị Th, cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Lý Thị Th được ly hôn với ông Nguyễn Văn C.

- Về con chung: Giao người con chung tên Nguyễn Minh H, sinh ngày 27/5/2005 cho bà Th nuôi dưỡng đến khi thành niên, do bà Th không yêu cầu ông C cấp dưỡng nuôi con chung nên không xem xét.

Sau khi ly hôn, ông C có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Trường hợp ông C lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì bà Th có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của ông C.

Quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và cấp dưỡng nuôi con sau khi ly hôn được thực hiện theo quy định pháp luật.

- Về tài sản chung và nợ chung vợ chồng: Bà Th và ông C xác định không có, không yêu cầu giải quyết, nên không xem xét.

2. Về án phí sơ thẩm: Nguyên đơn – bà Lý Thị Th phải chịu nghĩa vụ nộp số tiền án phí 300.000 đồng. Khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm 300.000 đồng mà bà Th đã nộp theo biên lai thu tiền số 0003927, ngày 19/3/2018 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố RG nên bà Th không phải nộp thêm.

3. Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng đối với đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

***Nơi nhận*:**
- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND TP. RG;
- Chi cục THA dân sự TP. RG;
- Các đương sự;
- UBND P. V.T;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Đào Đức Luân